

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Quý 2 năm 2026)

(Báo cáo theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN LỌC PHÚ HƯNG VIỆT NAM (“QUỸ”)

1. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính Quý II năm 2026 của Quỹ, tính đến ngày 30/06/2026, tổng giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ giảm 2,43 (%) so với giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu kỳ báo cáo 31/03/2026, giá NAV trên một Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) giảm 2,56 (%) so với đầu kỳ.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ áp dụng nguyên tắc đầu tư thận trọng với chiến lược đầu tư giá trị. Việc phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ dựa trên tiêu chí nâng cao động lực tăng trưởng cho giá trị tài sản đầu tư theo quy trình chấp nhận rủi ro hợp lý.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ trọng đầu tư 100% vào cổ phiếu. Khi nền kinh tế có những biến động bất lợi, Quỹ có thể nắm giữ giá trị tài sản ròng dưới hình thức tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tài sản có thu nhập cố định để giảm thiểu rủi ro, phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư theo Điều 10 Điều lệ Quỹ.

Để đạt được mục tiêu đầu tư, Quỹ thực hiện đa dạng hóa danh mục vào hầu hết các ngành nghề. Tùy vào đặc điểm của chu kỳ kinh tế, thay đổi trong cơ cấu kinh tế và môi trường kinh doanh mà Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội phát sinh để tập trung nắm giữ một số doanh nghiệp thuộc một vài ngành nghề nhất định trong một khoảng thời gian nhất định.

Các doanh nghiệp mục tiêu của Quỹ là những doanh nghiệp niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, có nền tảng tốt, tỷ lệ chi trả cổ tức cao và tiềm năng tăng trưởng tốt.

4. Phân loại Quỹ

Loại hình: Quỹ mở.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Không giới hạn.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình đến cao.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2022. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 189.384.801.843 đồng, tương ứng với 14.564.515,82 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

- Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư nếu:
 - Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - Quỹ đã trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý quỹ và phải được Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
- Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo

Quỹ không phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản của Quỹ

Chỉ tiêu	30/06/2026 (%)	31/03/2026 (%)	31/12/2025 (%)
Danh mục cổ phiếu	83,46	87,38	88,98
Tiền và tương đương tiền	11,36	6,10	5,83
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ ba (03) tháng trở lên	4,72	5,61	4,05
Tài sản khác	0,46	0,91	1,14
Cộng	100,00	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	30/06/2026	31/03/2026	31/12/2025
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	189.384.801.843	194.102.370.025	195.211.225.935
2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	14.564.515,82	14.544.858,20	14.542.602,78
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND)	13.003,16	13.345,09	13.423,40
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	13.521,54	14.402,89	14.447,70
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	12.791,45	12.653,35	12.805,21
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(2,56)	(0,58)	(3,77)
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	(2,38)	(2,36)	(5,62)
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	(0,18)	1,78	1,85
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.11. Phân phối ròng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

trên 1 đơn vị CCQ			
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,2	2,39	2,43
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	80,79	149,32	143,77

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	7,96	(2,56)
3 năm	24,19	7,49
Từ khi thành lập	30,03	7,55
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không áp dụng	Không áp dụng

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	30/06/2026	30/06/2025
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	7,96	(0,43)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

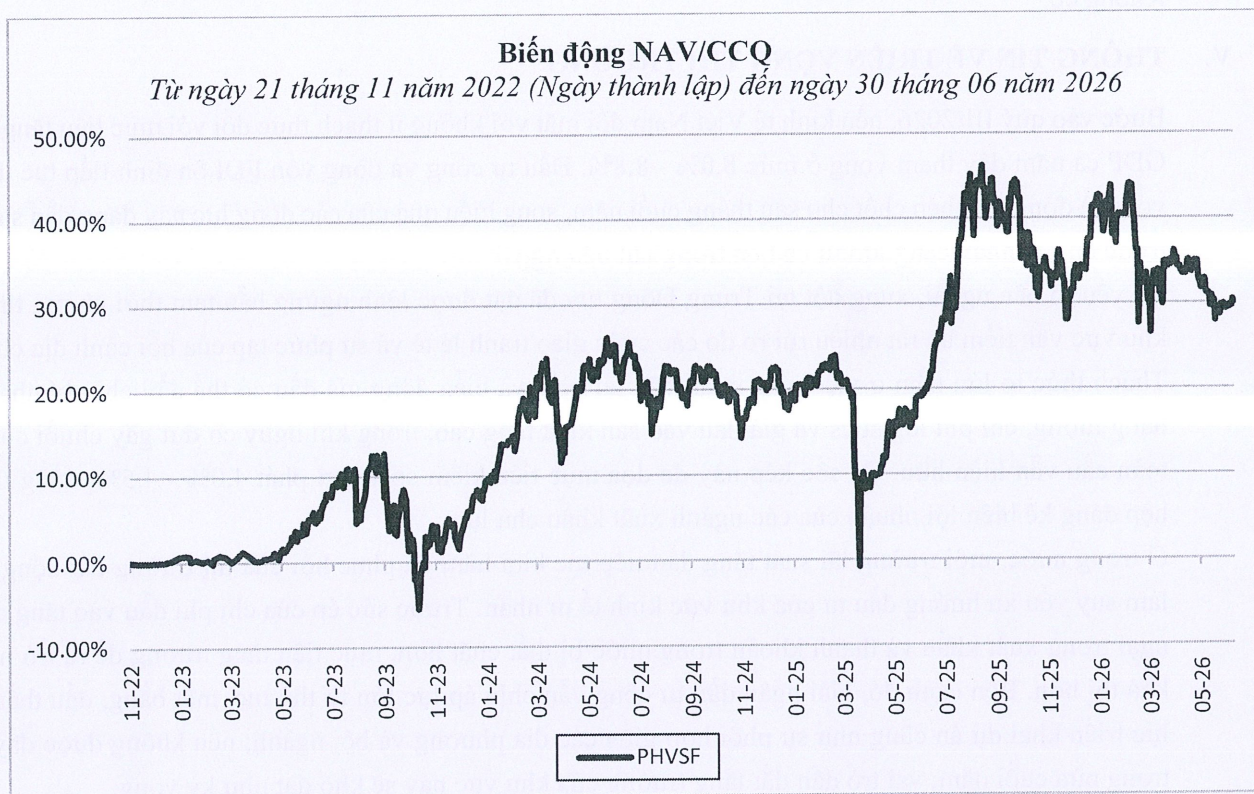
GDP quý II/2026 tăng 8,39% so với cùng kỳ năm trước, đưa GDP sáu tháng đầu năm 2026 lên mức 8,18% (tăng 7,63% so với cùng kỳ 2025) đây cũng là mức tăng nửa đầu năm cao nhất nhiều năm qua. Trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,51%, đóng góp tới 50,07% vào mức tăng chung, với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực chính khi IIP quý II tăng 11,4%. CPI bình quân quý II/2026 tăng 5,25% so với cùng kỳ, khiến cho CPI bình quân sáu tháng đầu năm chạm mức cao nhất trong 5 năm qua 4,38% (lạm phát cơ bản tăng 4,12%), dù CPI tháng 6 đã giảm 0,39% so với tháng trước nhờ giá xăng dầu hạ nhiệt. Vốn đầu tư toàn xã hội quý II/2026 đạt 1.059,5 nghìn tỷ đồng, tăng 14,1% so với cùng kỳ. FDI đăng ký lũy kế đến 30/6/2026 đạt 34,65 tỷ USD, tăng 61,0%, FDI thực hiện sáu tháng đạt 13,03 tỷ USD, tăng 11,2%. Điều này cho thấy sức hút đầu tư nước ngoài vẫn đang duy trì ở mức tích cực. Tuy nhiên cán cân thương mại 6 tháng đầu năm của Việt Nam vẫn đang trong tình trạng nhập siêu 16,65 tỷ USD, trái ngược với mức xuất siêu 7,95 tỷ USD của cùng kỳ năm trước. Đây được xem là rủi ro tiềm ẩn, đặt ra thách thức đối với mục tiêu kiểm soát lạm phát cả năm 2026 ở mức 4,5% đòi hỏi sự theo dõi hết sức thận trọng trong điều hành chính sách vĩ mô nửa cuối năm.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	7,4	15,29
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	0,56	14,74
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	7,96	30,03
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	7,96	7,55
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	N/a	N/a
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	N/a	N/a

• Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ



• Thay đổi giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	30/06/2026 (VND) (1)	31/03/2026 (VND) (2)	Tỷ lệ thay đổi (%) (3)=((1)-(2))/(2)
NAV của Quỹ	189.384.801.843	194.102.370.025	(2,43)
NAV/CCQ	13.003,16	13.345,09	(2,56)

Trong giai đoạn từ 31/03/2026 đến 30/06/2026. NAV của Quỹ giảm 2,43% và NAV/CCQ giảm 2,56% trong cùng giai đoạn do sự biến động giá của danh mục chứng khoán và phát hành thêm Chứng chỉ quỹ

cho Nhà đầu tư.

2. Thông kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	913	190.157,63	1,31
Từ 5.000 đến 10.000	4	28.008,29	0,19
Từ 10.000 đến 50.000	7	100.142,93	0,69
Từ 50.000 đến 500.000	4	424.819,49	2,92
Trên 500.000	5	13.821.387,48	94,09
Tổng cộng	933	14.564.515,82	100,00%

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Không có.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Bước vào quý III/2026, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với không ít thách thức đối với mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm đầy tham vọng ở mức 8,0% - 8,8%. Đầu tư công và dòng vốn FDI ổn định tiếp tục được kỳ vọng là động lực then chốt cho sáu tháng cuối năm, song hiệu quả của các động lực này đang dần suy giảm trước áp lực ngày càng lớn từ cả bên trong lẫn bên ngoài.

Về yếu tố bên ngoài, xung đột tại Trung Đông tuy đã đạt được lệnh ngừng bắn tạm thời nhưng tình hình khu vực vẫn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro do các cuộc giao tranh lẻ tẻ và sự phức tạp của bối cảnh địa chính trị. Thách thức to lớn nằm ở việc gián đoạn vận tải biển và biến động giá dầu có thể đẩy chi phí nhập khẩu năng lượng, chi phí logistics và giá đầu vào sản xuất tăng cao, trong khi nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn hiện hữu. Cú sốc kép này đe dọa mục tiêu kiểm soát lạm phát 4,0% - 4,5%, đồng thời thu hẹp đáng kể biên lợi nhuận của các ngành xuất khẩu chủ lực.

Ở trong nước, môi trường lãi suất tăng dần tiếp tục kìm hãm đà phục hồi của thị trường bất động sản và làm suy yếu xu hướng đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân. Trước sức ép của chi phí đầu vào tăng cao, trở ngại trong xuất khẩu và thanh khoản trong nước bị thắt chặt hơn, mục tiêu tăng trưởng đề ra trở nên khó khả thi hơn. Bên cạnh đó, giải ngân đầu tư công vẫn chịu áp lực lớn từ thủ tục, mặt bằng, đấu thầu, năng lực triển khai dự án cũng như sự phối hợp giữa các địa phương và bộ, ngành; nếu không được đẩy mạnh trong nửa cuối năm, vai trò dẫn dắt tăng trưởng của khu vực này sẽ khó đạt như kỳ vọng.

Trong bối cảnh đó, quỹ đạo điều hành kinh tế thời gian tới sẽ ít nghiêng về chiến lược mở rộng mạnh mẽ mà chuyển hướng nhiều hơn sang phòng thủ vĩ mô, đòi hỏi giám sát chặt chẽ diễn biến CPI, tỷ giá hối đoái và thanh khoản hệ thống.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.

Kính báo cáo và trân trọng,/,

Nơi nhận:

- *Như trên*
- *Lưu: HTNV*

CTCP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG *h*

TỔNG GIÁM ĐỐC



LƯU HUI HUNG



